

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**
Bản án số 203/2022/DS-PT
Ngày 16/8/2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Minh Nguyệt**;

Các Thẩm phán:

Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương**;

Bà **Nguyễn Thanh Nhân**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Đạt** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Lê Thị Thắm** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2021/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 112/2021/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 275/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Thiên L**, sinh năm 1943

Địa chỉ: ấp Đ, xã Th, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà **Phan Thị U**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Số 83/20 đường T, khu phố H, Phường K, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền số 001641, quyền số 01-SCT/CK, ĐC ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Văn phòng công chứng Phú Mỹ).

2. Bị đơn: Chị **Võ Thanh H**, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp P, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ khác: Số 60A, đường K, khu phố B, Phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số 39B đường H, khu phố M, Phường K, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (Theo Giấy ủy quyền có số công chứng 3159, quyền số 06/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/6/2021 của Phòng công chứng số 2, tỉnh Tiền Giang).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Võ Thanh H.

Có mặt: Bà U, ông D; vắng mặt: Ông T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn ông Trần Thiên L và người đại diện theo ủy quyền của ông L là bà Phan Thị U trình bày:*

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết nên ông L cho chị H vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Ngày 29 tháng 9 năm 2018, cho chị H vay 30.000.000 đồng, lãi suất 04%/ tháng, thời hạn vay là 01 năm, chị H có làm giấy mượn tiền và ký tên. Chị H đóng lãi được 06 tháng là 7.200.000 đồng;

+ Tháng 12 năm 2018, cho chị H vay 100.000.000 đồng, lãi suất 03%/tháng, thời hạn trả là 01 năm, chị H làm giấy viết tay rồi đưa cho ông L ký, ông L chỉ ký tên chứ không viết họ tên Trần Thiên L; chị H đóng lãi được 06 tháng với số tiền 18.000.000 đồng;

+ Đầu năm 2019, ông L cho chị H vay 60.000.000 đồng, có làm giấy viết tay sau đó chị H mượn lại giấy tại quán cà phê có chị K làm chứng, chị H mượn giấy rồi đứng lên đi về không trả lại giấy biên nhận cho ông L; Ông L, chị K chạy lên nhà chị H đòi thì chị khóa cửa. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H thừa nhận có vay 60.000.000 đồng này và có mượn lại biên nhận vay tiền 60.000.000 đồng của ông L tại quán cà phê nhưng sau đó không trả lại biên nhận.

+ Phần vay 60.000.000 đồng không giấy biên nhận và tự nguyện rút 01 phần yêu cầu, là chỉ yêu cầu trả 50.000.000 đồng không tính lãi. Chị H cũng thừa nhận là có mượn lại biên nhận vay của ông L 60.000.000 đồng chưa trả.

Như vậy chị H phải trả cho ông L là 180.000.000 đồng vốn gốc, tiền lãi của vốn gốc 130.000.000 đồng tính từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 05 năm 2021 là 29 tháng với lãi suất 1,66% tháng trừ đi tiền lãi đã nhận, thành tiền là 37.382.000 đồng. Yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Yêu cầu như vậy bởi các căn cứ sau:

+ Chị H thừa nhận có vay có ký tên 30.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29 tháng 9 năm 2018.

+ Phần 100.000.000 đồng chị H không thừa nhận chữ chị viết và ký trong biên nhận vào tháng 12 năm 2018 nhưng trong Biên nhận hết nợ mà chị H cung cấp cho Tòa án, chị H thừa nhận 180.000.000 đồng có nguồn gốc là vay của ông L.

Bị đơn chị Võ Thanh H trình bày:

Vào năm 2018, chị H vay tiền của ông L nhiều lần, mỗi lần vài chục triệu đồng, lãi suất từ 03%/ tháng đến 05%/ tháng nhưng trong giấy mượn tiền thì ghi lãi suất là 04%/ tháng, mỗi lần vay tiền chị đều làm giấy viết tay giao cho ông L, khi nào trả xong tiền thì ông L hoàn lại giấy viết tay đó cho chị nhưng có khoảng 01 đến 02 giấy nợ ông L không giao lại cho chị.

Giấy mượn tiền 100.000.000 đồng mà ông L cung cấp cho Tòa là do ông L tự viết, tự ký, chị không biết gì về số tiền này nên không đồng ý trả.

Giấy mượn tiền ngày 29 tháng 9 năm 2018 là do chị viết, chị ký tên. Phần vay 30.000.000 đồng này chị H đã trả xong vào tháng 10 năm 2018 theo thỏa thuận ghi trong giấy là vay 01 tháng trả lại;

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, chị H và ông L quyết toán và thống nhất là chị không còn nợ gì ông L và chị đã trả xong tiền vay cho ông L 180.000.000 đồng, ông L đồng ý ký tên. Trong giấy Biên nhận hết nợ có ghi: “*Trần Thiên L nhận đủ số tiền mà tôi đã cho cô Võ Thanh H mượn + 30 triệu của anh T cô H cũng trả hết, anh Trần Thiên L xác nhận cô H trả 180 triệu lấy giấy là hết*”. Trong biên nhận hết nợ này có phần 30.000.000 đồng của anh T là do trước đây chị H giới thiệu anh T đến gặp ông L để hỏi vay tiền, chị và anh T đến nhà ông L nhận 130.000.000 đồng, anh T nhận tiền và viết biên nhận cho ông L sau đó anh T cho chị vay lại 30.000.000 đồng nên trong Biên nhận hết nợ chị ghi phần 30.000.000 đồng này là chị đã trả giùm anh T.

Đối với số tiền 60.000.000 đồng mà chị vay của ông L, chị thừa nhận là chị có gặp ông L, chị Loan tại quán cà phê gần cầu Đ xã Y để mượn lại biên nhận vay tiền này và đến giờ chưa trả lại cho ông L.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông L, chị không đồng ý vì đã trả nợ xong.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Cách nay khoảng 03 năm, anh có vay của ông L số tiền 130.000.000 đồng, lãi suất 05% tháng, sau khi vay thì anh cho chị H vay lại 30.000.000 đồng, việc

này ông L, chị H và anh cùng thống nhất phần 30.000.000 đồng này là của chị H vay của ông L. Phần anh T vay là 100.000.000 đồng, lãi suất 05% tháng, đóng lãi đầy đủ đến khi trả xong vốn gốc 100.000.000 đồng vào năm 2020. Việc chị H đã trả 30.000.000 đồng cho ông L hay chưa thì anh T không biết.

Bản án dân sự sơ thẩm số 112/2021/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiên L.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiên L yêu cầu chị Võ Thanh H trả số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*);

2. Buộc chị Võ Thanh H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thiên L số tiền vốn gốc là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*); tiền lãi là 37.382.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*). Tổng cộng là 217.382.000 đồng (*Hai trăm mười bảy triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày ông Trần Thiên L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng chị Võ Thanh H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 21 tháng 6 năm 2021, bị đơn chị Võ Thanh H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L vì chị đã trả xong số tiền nợ cho ông L.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng, kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị sửa bản án sơ thẩm đối với phần tính lãi suất; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn Võ Thanh H nộp trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện được thụ lý và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết: Tòa án sơ thẩm xác định tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thuộc phạm vi xem xét giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn Võ Thanh H

Theo đơn kháng cáo ngày 21/6/2021, chị H yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sửa toàn bộ án sơ thẩm; vì chị H cho rằng đã trả hết số tiền 180.000.000 đồng, đúng như tờ giấy trả nợ biên nhận hết nợ ngày 20.01. 2020 (bút lục 46). Ông L vẫn giữ yêu cầu chị H trả 180.000.000 đồng tiền nợ và tiền lãi.

Xét về yêu cầu khởi kiện của ông L qua các tài liệu, chứng cứ:

- Giấy mượn tiền 29/9/2018 (bút lục 45), chị H thừa nhận có vay 30.000.000 đồng, nhưng không được ông L thừa nhận đã trả rồi và chị H không có căn cứ chứng minh lời khai của mình.

- Theo lời thừa nhận của chị H tại phiên tòa sơ thẩm là có vay của ông L 60.000.000 đồng, chị H có ghi biên nhận vay tiền đưa cho ông L và sau đó chị hẹn gặp ông L tại quán cà phê gần cầu Đ - xã Y để mượn lại và đến nay chị không trả lại biên nhận vay tiền này cho ông L. Lời khai của chị H phù hợp với lời khai của ông L và chị Loan là người làm chứng. Như vậy xác định chị H có vay của ông L số tiền 60.000.000. Ông L chỉ yêu cầu chị H trả 50.000.000 đồng, nên phần 10.000.000 đồng còn lại Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết.

- Theo giấy mượn tiền không ghi ngày tháng năm (bút lục 47), có nội dung ghi Võ Thanh H có mượn của ông Trần Thiên L 100.000.000 đồng... Chị H không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong giấy là của Chị và ông L không chứng minh được là do chị H viết, ký tên. Như vậy, chị H không thừa nhận số tiền 100.000.000 đồng theo giấy mượn tiền trên.

Đối với chứng cứ do chị H cung cấp là “Giấy trả nợ Biên nhận hết nợ” ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy

quyền của chị H trình bày: Nội dung “Giấy trả nợ Biên nhận hết nợ” có đoạn do chị H viết “ ... số tiền mà tôi đã cho cô Võ Thanh H mượn + 30 triệu của anh T cô H cũng trả hết” đây là số tiền 180.000.000 đồng mà chị H nợ ông L trước đó, lời khai này phù hợp với lời khai của chị H tại cấp sơ thẩm. Như vậy, mặc dù chị H không thừa nhận số tiền 100.000.000 đồng theo giấy mượn tiền không ghi ngày tháng nhưng lại phù hợp với số tiền nợ của ông L yêu cầu theo các tài liệu, chứng cứ nêu trên; nên đủ căn cứ để xác định chị H có nợ ông L 180.000.000 đồng.

Đồng thời, qua Kết luận giám định số 2794/KL-KTHS ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với chữ ký, chữ viết họ tên của ông L trong “Giấy trả nợ Biên nhận hết nợ” ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại các dòng chữ “*anh Trần Thi L xác nhận cô H trả 180 triệu cô H lấy giấy là hết*” có chữ ký tên – viết họ tên Trần Thi L” thì:

- + Chữ viết Trần Thi L trên tài liệu cần giám định so với chữ viết Trần Thiên L trên các tài liệu so sánh là do cùng một người viết ra.

- + Không đủ cơ sở kết luận chữ ký trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên Trần Thiên L trên các tài liệu so sánh là do cùng một người ký ra hay không.

Từ đó, thấy rằng chị H có nợ của ông L số tiền 180.000.000 đồng và qua kết luận giám định chữ ký, chữ viết họ tên của ông L trong “Giấy trả nợ Biên nhận hết nợ” ngày 20 tháng 01 năm 2020 thì chưa đủ cơ sở chứng minh chị H đã trả số tiền nợ 180.000.000 đồng cho ông L, nên không đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị H, cấp sơ thẩm buộc chị H trả ông L số tiền nợ 180.000.000 đồng và tiền lãi là phù hợp.

Về số tiền lãi: Việc ông L yêu cầu chị H trả tiền lãi đối với số tiền nợ 130.000.000 đồng là có lợi cho chị H. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông L thay đổi yêu cầu về thời gian tính lãi đối với số tiền 130.000.000 đồng là từ tháng 02/2020 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (tháng 5/2021), tức từ sau thời gian chị H khai tất toán nợ vay với ông L ngày 20/01/2020. Xét đây là sự tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận, mức lãi suất áp dụng được điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Số tiền lãi được tính lại như sau: $130.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% \text{ tháng} \times 15 \text{ tháng} = 32.370.000 \text{ đồng}$; trừ đi số tiền lãi ông L đã nhận 25.200.000 đồng, số tiền lãi còn lại phải trả là: $32.370.000 \text{ đồng} - 25.200.000 \text{ đồng} = 7.170.000 \text{ đồng}$.

Số tiền nợ chị H phải trả ông L là: 180.000.000 đồng tiền nợ vay + 7.170.000 đồng tiền lãi vay = 187.170.000 đồng. Do chị H đã vi phạm nghĩa vụ nên cần buộc chị H trả số tiền trên khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền lãi do người đại diện của nguyên đơn thay đổi yêu cầu.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 92, Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Võ Thanh H;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thiên L; Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 112/2021/DS-ST ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiên L yêu cầu chị Võ Thanh H trả số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2. Buộc chị Võ Thanh H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Thiên L số tiền nợ tổng cộng là 187.170.000 đồng (một trăm tám mươi bảy triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng); Trong đó: Tiền nợ vay là 180.000.000 đồng và tiền lãi vay là 7.170.000 đồng.

Thời gian chị H thực hiện trả tiền là khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Võ Thanh H chịu 9.358.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0018443 ngày 22/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Chị H còn phải nộp tiếp 9.358.500 đồng (chín triệu ba trăm năm mươi tám ngàn năm trăm đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã G;
- THADS thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- Đăng công TTĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt